

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 28

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Văn bản số 8600/BKHĐT-TCTT ngày 18/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2025 các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2022/HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 63/2024/HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối

ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 25/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 64.954 triệu đồng, trong đó:

- Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: 49.560 triệu đồng (bao gồm vốn chưa phân bổ cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 là 7.213 triệu đồng).

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 15.394 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, khóa VIII, Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu VT, P.CT HĐND (Linh).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang

PHỤ LỤC
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
 (Kèm theo Nghị quyết số **170-HĐND** ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng vốn đầu tư phát triển năm 2025	Trong đó:										Ghi chú
			Phân bổ cho huyện							Phân bổ Sở, ngành, đơn vị			
			Tổng số phân bổ huyện	Trong đó						Tổng vốn phân bổ Sở, ngành, đơn vị	Trường Cao đẳng Kỹ thuật	Trường Cao đẳng Y tế	
				Hướng Hóa	Đakrông	Gio Linh	Hải Lăng	Cồn Cỏ	Đông Hà				
	TỔNG SỐ	64.954	54.560	1.500	33.347	1.000	1.000	9.000	1.500	10.394	7.894	2.500	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	49.560	49.560		33.347			9.000					
*	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</i>	<i>49.560</i>	<i>49.560</i>		<i>33.347</i>			<i>9.000</i>					
-	Huyện nghèo	33.347	33.347		33.347								
-	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (gồm: xã Gio Hải, huyện Gio Linh; xã Hải An, xã Hải Khê, huyện Hải Lăng; huyện đảo Cồn Cỏ)	16.213	16.213										
+	Huyện đảo Cồn Cỏ	9.000	9.000					9.000					
+	Vốn chưa phân bổ cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 (gồm: xã Gio Hải, huyện Gio Linh; xã Hải An, xã Hải Khê, huyện Hải Lăng)	7.213	7.213										
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	15.394	5.000	1.500		1.000	1.000		1.500	10.394	7.894	2.500	
*	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	11.894	1.500						1.500	10.394	7.894	2.500	
*	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	3.500	3.500	1.500		1.000	1.000						

mu